TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HC-PT
Ngày 04 tháng 3 năm 2019.
V/v: "Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Ông Trương Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh**: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 455/2018/TLST-HC ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc "Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2018/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2019/QĐPT-HC ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Trần Văn T** , sinh năm 1934 (Vắng mặt).

Địa chỉ: huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

***Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện*:** Ông Phan Quốc T1, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T : Luật sư Nguyễn Văn L , Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (Có mặt)..

Người bị kiện:

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (Xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Anh N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Phùng Quốc B - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T 2 (Vắng mặt).

Địa chỉ: huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện - Ông Trần Văn T do ông Phan Quốc T1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông T có phần đất diện tích 1.612m^2 (theo đo đạc thực tế) thuộc thửa đất số 1052, tờ bản đồ số 21, loại đất chuyên dùng khác tọa lạc tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang được chính quyền cách mạng cấp năm 1959, ông T canh tác ổn định liên tục từ năm 1959 đến năm 1982.

Năm 1982 UBND xã Thạnh lợi (nay là UBND xã Hòa Thuận) mượn phần đất nêu trên của ông để thành lập chợ Thạnh Lợi và UBND xã Thạnh Lợi có lập biên bản mượn đất của ông vào ngày 02/3/20182.

Năm 1989 ông Trần Thanh H Phó Chủ tịch UBND xã Hòa Thuận kim chủ nhiệm hợp tác xã đã ký giấy trả lại đất cho ông T .

Năm 2005 hộ bà Phạm Thị T2 xin ông T ở nhờ trên phần đất có diện tích 23,7m^2, đến năm 2010 bà T2 bỏ địa phương đi nên ông T đòi lại đất nhưng bà T2không chịu trả, nên ông T tranh chấp với bà T2.

Ngày 08/12/2010 UBND xã Hòa Thuận tổ chức hòa giải giữa ông T và bà T2, kết quả hòa giải không thành nên ông T khiếu nại lên UBND huyện Giồng Riềng yêu cầu giải quyết.

Ngày 09/4/2012 UBND huyện Giồng Riềng ban hành quyết định số 168/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông T với bà T2, có nội dung quyết định chấp nhận khiếu nại của ông T .

Ngày 25/9/2014 UBND huyện Giồng Riềng ban hành các quyết định số 633/QĐ-UBND với nội dung bác yêu cầu khiếu nại của ông T và thu hồi hủy bỏ quyết định 168/QĐ-UBND nên ông khiếu nại đến UBND huyện Giồng Riềng.

Ngày 16/4/2015 Chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng ban hành quyết định số 410/QĐ-UBND với nội dung bác yêu cầu khiếu nại của ông T , nên ông tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

Ngày 23/10/2015 Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định số 2489/QĐ-UBND về giải quyết tranh chấp đất đai của ông Trần Văn T có nội dung giữ nguyên hiện trạng đất cho bà Phạm Thị T2 sử dụng.

Ông T nhận thấy các quyết định giải quyết trên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang hủy quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng và hủy quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

Người khởi kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang trình bày:

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng của hộ bà T2 nằm trong diện tích 1.637m^2 (theo đo đạc thực tế) thuộc thửa đất số 1052, tờ bản đồ số 21, loại đất chuyên dùng khác tọa lạc tại ấp Hòa Lợi, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang trước năm 1982 là của ông Trần Văn T , đến năm 1982 Nhà nước quy hoạch, quản lý, bố trí sử dụng diện tích 1.637m^2 đất trên làm hợp tác xã mua bán, nhà văn hóa xã Thạnh Lợi (nay là xã Hòa Thuận), huyện Giồng Riềng và bố trí cho các hộ dân vào ở và mua bán; khi quy hoạch sử dụng đất Nhà nước đã xem xét bồi thường hoa lợi trên đất và ưu tiên bố trí cho ông T 01 nền trong diện tích trên. Trong số các dân được bố trí sử dụng đất có hộ bà Phạm Thị P (mẹ bà Phạm Thị T2) được bố trí 01 nền sử dụng làm nhà ở và nơi mua bán. Đến năm 2006 bà Phiên giao lại cho con là bà Phạm Thị T2 sử dụng đến nay, nhà và đất đo đạc thực tế có diện tích 23,7m^2.

Việc ông Tỷ cho rằng 1982 UBND xã Thạnh Lợi mượn đất của ông và có làm biên nhận ngày 02/3/1982 (ông T cung cấp biên bản phá mía cất chợ ông D

thuộc xã Thạnh Lợi ngày 02/3/1982 do ông Nguyễn Văn T3 lập) là không chính xác vì biên bản này được lập lại vào năm 1995 (được ông T3 thừa nhận).

Việc ông Tỷ cho rằng ông Trần Thanh H ký giấy trả lại đất cho ông vào năm 1989 là không phù hợp, vì thực tế đến năm 1995 ông T mới làm đơn xin trả lại đất và được ông H xác nhận vào ngày 11/11/1995 (thời điểm này ông H đã không còn công tác tại xã Thạnh Lợi).

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng thụ lý và ban hành quyết định số định số 410/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông T và bà T2 là đúng về trình tự, thủ tục được quy định Điều 203 luật đất đai năm 2013; Về nội dung giải quyết giữ nguyên hiện trạng đất cho bà T2 sử dụng là phù hợp tại khoản 2, Điều 101 luật đất đai năm 2013, vì diện tích đất này đã được các hộ bà T2 sử dụng từ năm 1982 cho đến nay.

Người khởi kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trình bày:

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của hộ bà T2 nằm trong diện tích 1.637m^2 (theo đo đạc thực tế) thuộc thửa đất số 1052, tờ bản đồ số 21, loại đất chuyên dùng khác tọa lạc tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang trước năm 1982 là của ông Trần Văn T , đến năm 1982 Nhà nước quy hoạch, quản lý, bố trí sử dụng diện tích 1.637m^2 đất trên làm hợp tác xã mua bán, nhà văn hóa xã Thạnh lợi (nay là xã Hòa Thuận), huyện Giồng Riềng và bố trí cho các hộ dân vào ở và mua bán; khi quy hoạch sử dụng đất Nhà nước đã xem xét bồi thường hoa lợi trên đất và ưu tiên bố trí cho ông T 01 nền trong diện tích trên. Trong số các dân được bố trí sử dụng đất có hộ bà T2 bà Phạm Thị P (mẹ bà Phạm Thị T2) được bố trí 01 nền sử dụng làm nhà ở và nơi mua bán.

Việc ông Tỷ cho rằng 1982 UBND xã Thạnh Lợi mượn đất của ông và có làm biên nhận ngày 02/3/1982 (ông T cung cấp biên bản phá mía cất chợ ông D thuộc xã Thạnh Lợi ngày 02/3/1982 do ông Nguyễn Văn T3 lập) là không chính xác vì biên bản này được lập lại vào năm 1995 (được ông T3 thừa nhận tại biên bản làm việc ngày 18/6/2012 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang) và nội dung không đúng với nội dung trưng dụng đất của ông T năm 1982 (nay được ông Nguyễn Xuân K nguyên Chủ tịch xã Thạnh Lợi thừa nhận tại biên bản làm việc ngày 28/5/2012 của Thanh tra sở.

Việc ông T cho rằng ông Trần Thanh H ký giấy trả lại đất cho ông vào năm 1989 là không phù hợp, vì thực tế đến năm 1995 ông T mới làm đơn xin trả lại đất và được ông H xác nhận vào ngày 11/11/1995 (thời điểm này ông H đã không còn công tác tại xã Thạnh Lợi). Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang thụ lý và ban hành quyết định số định số 2489/QĐ-UBND ngày 23/10/2015, giải quyết khiếu nại, tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn T và bà Phạm Thị T2 về trình tự, thủ tục là đúng quy định tại Điều 203 luật đất đai năm 2013. Về nội dung giải quyết công nhận quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng về việc giải quyết giữ nguyên hiện trang đất cho các hộ bà T2 sử dụng là phù hợp tại khoản 2, Điều 101 luật đất đai năm 2013, vì bà T2 đã sử dụng đất từ năm 1982 cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Bà Phạm Thị T2 trình bày:

Yêu cầu Tòa án giữ nguyên quyết định số quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng và quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang. Vì các quyết định này giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ bà T2 với ông T là đúng pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2018/HC-ST ngày 28-5-2018, Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

- Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 158 và Điều 193, Luật tố tụng hành chính;

- Áp dụng các Điều 101, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị Định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về yêu cầu hủy quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Trần Văn T và hủy quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Trần Văn T.

Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm

300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004260 ngày 06/3/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật**.**

Ngày 08/6/2018, ông Trần Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn T và ông Phan Quốc T1 trình bày: Đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp là của ông T cho địa phương mượn làm chợ, sau khi giải thể thì địa phương đã trả cho gia đình ông T , lúc này bà T2 tiếp tục mượn của ông T , do đó bà T2 phải trả cho ông T phần đất này. Yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Trần Văn T và hủy quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Trần Văn T .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trình bày: Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang thụ lý và ban hành quyết định số định số 2489/QĐ-UBND ngày 23/10/2015, giải quyết khiếu nại, tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn T và bà Phạm Thị T2 về trình tự, thủ tục là đúng quy định tại Điều 203 luật đất đai năm 2013. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T , giữ nguyên bản án sao thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ chứng cứ của vụ án và quyết định đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Tỷ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, của Luật sư và của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Đại diện người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà, nhưng có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc đất diện tích 1.637m^2 (theo đo đạc thực tế) thuộc thửa đất số 1052, tờ bản đồ số 21, loại đất chuyên dùng khác tọa lạc tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang trước năm 1982 là của ông Trần Văn T . Đến năm 1982 Nhà nước trưng dụng diện tích 1.637m^2 đất trên làm hợp tác xã mua bán, nhà văn hóa xã Thạnh Lợi (nay là xã Hòa Thuận), huyện Giồng Riềng và bố trí cho các hộ dân vào ở và mua bán; khi quy hoạch sử dụng đất Nhà nước đã xem xét bồi thường hoa lợi trên đất và ưu tiên bố trí cho ông T 01 nền trong diện tích trên. Nội dung này các bên đương sự thừa nhận được xem là chứng cứ, không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2.2] Năm 2010 ông Trần Văn T phát sinh tranh chấp với hộ bà Phạm Thị T2, việc tranh chấp đã được UBND xã Hòa Thuận hòa giải ngày 08/12/2010 nhưng không thành, nên ông T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng. Ngày 16/4/2015 Chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng ban hành quyết định số 410/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông T và bà T2 có nội dung, không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông T , giữ nguyên hiện trang đất cho hộ bà T2. Sau đó Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Trần Văn T đối với quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng.

[2.3] Ông Trần Văn T cho rằng đất nêu trên ông T đã cho Uỷ ban nhân dân xã Thạnh lợi (nay là UBND xã Hòa Thuận) mượn phần để thành lập chợ Thạnh Lợi, Uỷ ban nhân xã có lập biên bản mượn đất. Sau đó, vào năm 1989 ông Trần Thanh H là Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Hòa Thuận kiêm Chủ nhiệm hợp tác xã đã ký giấy trả lại đất cho ông T . Tuy nhiên, chứng cứ ông T đưa ra là Biên bản phá mía cất chợ ông D ngày 02/3/1982 lại được lập lại vào năm 1995, ông T1 và ông T3 (người ký xác nhận) cũng thừa nhận biên bản này nhờ ông T3 ký

xác nhận lại vào năm 1995. Đối với giấy có nội dung trả lại đất cũng không được coi là khách quan, vì ông H xác nhận vào ngày 11/11/1995, nhưng thời điểm này ông H không còn công tác tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa Thuận nữa.

[2.4] Ông T cho răng vào năm 2005 hộ bà Phạm Thị T2 xin ông T ở nhờ phần đất 23,7m^2 trong khu đất được trả nêu trên nên ông T đòi lại đất đã cho bà T2 mượn. Tuy nhiên, theo văn bản cất chợ ngã tư mà ông T và UBND xã Thạnh Lợi lập, vì trong bản hợp đồng có ghi "Những người trong khu chợ nếu không ở nữa phải trả nền lại cho ông T ". Trong khi đó gia đình bà T2 vẫn sử dụng phần đất này. Theo khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013 qui định việc giải quyết trả lại đất mà Nhà nước mượn của hộ gia đình, cá nhân được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo quy định tại Khoản 5, Điều 112 Nghị Định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003. Hơn nữa, có đủ căn cứ xác định khu đất 1.637m^2 (theo đo đạc thực tế) thuộc thửa đất số 1052, tờ bản đồ số 21, loại đất chuyên dùng khác tọa lạc tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã được Nhà nước trưng dụng và khi trưng dụng Nhà nước đã giao cho gia đình ông T một khu đất khác. Tại phiên toà hôm nay ông T1 xác nhận khu đất được Nhà nước giao hiện nay gia đình ông T đang sử dụng kinh doanh bán quán cà phê. Thực tế hộ gia đình bà T2 có quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục từ năm 1982 đến nay, nên ông T tranh chấp đòi lại đất với bà Nguyễn Thị T2 là không có cơ sở.

[2.5] Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng ban hành quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 giải quyết cho bà T2 được quyền sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên và Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Trần Văn T đối với quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng qui định của pháp luật.

[2.6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, bác toàn bộ kháng cáo của ông Trần Văn Tỷ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn T có đơn xin được miễn đóng tiền án phí phúc thẩm và được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang chấp

nhận. Tại phiên toà phúc thẩm, ông T1 có ý kiến ông T hiện nay tuổi cao hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Toà án miễn án phí phúc thẩm cho ông T và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ các Điều 101, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị Định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Trần Văn T ; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2018/HC-ST ngày 28-5-2018 của Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

1.1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về yêu cầu:

Hủy quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Chủ tịch UBND huyện Giồng Riềng về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Trần Văn T ;

Hủy quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Trần Văn T .

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004260 ngày 06/3/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn T được miễn.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự, đại diện đương sự, Luật sư;
- Lưu (TTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh